

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 318/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 3 - 2021

V/v “Tranh chấp xác định

cha, mẹ cho con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Minh Chánh
2. Bà Nguyễn Ngọc Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1025/2020/TLST–HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc: “Tranh chấp xác định cha, mẹ cho con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1973

1.2. Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1974

Cùng địa chỉ: 13/3 Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trịnh Ngọc Anh K, sinh năm 1984

Địa chỉ liên hệ: E8/3 N, thị trấn U, huyện B, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 18/8/2020)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Lê Hoàng L1, sinh năm 1965

2.2. Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1967

Cùng địa chỉ: 13/2 Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Thị Thùy T, sinh năm 1995

Địa chỉ: 13/3 Ấp A, xã T, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P do ông Trịnh Ngọc Anh K đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P là vợ chồng chung sống với nhau từ năm 1994, đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H. Vào ngày 27/9/1995 bà L và ông P có sinh một bé gái đặt tên là Lê Thị Thùy T. Khi làm giấy khai sinh cho trẻ T, bà L và ông P thống nhất để họ tên cha ruột trong giấy khai sinh là ông Lê Hoàng L1 là anh ruột của ông Lê Hoàng P và họ tên mẹ ruột trong giấy khai sinh là bà Nguyễn Thị Thu V là vợ của ông L1 và là chị dâu của ông Lê Hoàng P. Lý do làm giấy khai sinh cho trẻ T như vậy là vì vào thời điểm sinh trẻ T, bà L và ông P thực tế cư trú tại huyện B, Thành phố H, nhưng lại có hộ khẩu thường trú tại tỉnh A; còn vợ chồng ông L1 và bà V đang cư trú và có hộ khẩu tại Thành phố H nên để thuận tiện cho trẻ T được đi học và có hộ khẩu tại Thành phố H, bà L và ông P mới nhờ ông L1 và bà V đứng họ tên cha mẹ ruột của trẻ T trong giấy khai sinh. Mặc dù ông L1 và bà V đứng tên cha mẹ ruột trong giấy khai sinh của trẻ T, nhưng thực tế từ khi sinh ra đến nay trẻ T vẫn sống chung với bà L và ông P. Đồng thời, theo kết quả giám định ADN của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền – Chi nhánh phía Nam thì giữa bà L và trẻ T có quan hệ huyết thống mẹ - con và giữa ông P và trẻ T có quan hệ huyết thống cha – con.

Hiện nay, bà L và ông P đã có hộ khẩu thường trú tại huyện B, Thành phố H và trẻ T đã trưởng thành nên bà L và ông P mong muốn làm thủ tục cải chính tên cha mẹ ruột của trẻ T trong giấy khai sinh cho đúng với thực tế để các bên không gặp rắc rối sau này, nhưng phía bà V và ông L1 không đồng ý. Do đó, nay ông đại diện theo ủy quyền của ông P và bà L yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ.

Bị đơn ông Lê Hoàng L1 trình bày:

Ông là anh ruột của ông Lê Hoàng P và là anh chồng của bà Nguyễn Thị L. Ông và bà Nguyễn Thị Thu V là vợ chồng, chung sống với nhau từ năm 1988, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H vào ngày 07/10/1988. Vào ngày 02/10/1995 ông P và bà L có nhờ ông đi làm giấy khai sinh cho trẻ Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ với nội dung họ tên cha ruột là Lê Hoàng L1 và họ tên mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thu V. Tuy nhiên, trẻ T không phải là con ruột của ông với bà V; mà trẻ T là con ruột của ông Lê Hoàng P với bà Nguyễn Thị L. Lý do ông và bà V đứng tên cha mẹ ruột trong Giấy khai sinh của trẻ T là vì ông P và bà L mong muốn trẻ T có hộ khẩu và có điều kiện đi học tại Thành phố H do thời điểm đó cả ông P và bà L đều có hộ khẩu tại tỉnh A. Từ khi trẻ T được sinh ra cho đến nay thì trẻ T vẫn sống chung với bà L và ông P, không sống chung với ông và bà V.

Nay trẻ T đã trưởng thành, bà L và ông P mong muốn được cải chính họ tên cha mẹ ruột trong giấy khai sinh của trẻ T thì ông không đồng ý vì ông không muốn

có sự ảnh hưởng làm xáo trộn giấy tờ trong gia đình của ông. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Bà là vợ của ông Lê Hoàng L1, bà thống nhất theo lời trình bày của ông L1. Bà xác định trẻ Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ không phải là con ruột của bà với ông Lê Hoàng L1; trẻ Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ là con ruột của ông Lê Hoàng P với bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho trẻ T sẽ làm ảnh hưởng, xáo trộn toàn bộ giấy tờ trong gia đình của bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy T trình bày:

Từ khi sinh ra cho đến nay, chị đều sống chung với ông Lê Hoàng P, bà Nguyễn Thị L và gọi ông P, bà L là cha mẹ. Chị không biết lý do vì sao giấy khai sinh của chị họ tên cha ruột là ông Lê Hoàng L1 và họ tên mẹ ruột là bà Nguyễn Thị Thu V. Tuy nhiên, căn cứ theo kết quả giám định ADN của Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân tích Di truyền – Chi nhánh phía Nam thì giữa bà L với chị có quan hệ huyết thống mẹ - con và giữa ông P với chị có quan hệ huyết thống cha - con nên chị có nguyện vọng được cải chính hộ tịch của mình cho đúng, để tránh những phiền phức sau này. Do đó, chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị.

Tại phiên tòa, ông Trịnh Ngọc Anh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ. Bị đơn ông Lê Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Thu V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Xác định bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P là mẹ ruột và cha ruột của chị Lê Thị Thùy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ

và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ. Đây là tranh chấp về xác định cha, mẹ cho con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 4 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Lê Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Thu V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ Giấy khai sinh số 83, quyển 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H cấp ngày 02/10/1995 cho chị Lê Thị Thùy T thì họ tên mẹ là Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1967 và họ tên cha là Lê Hoàng L1, sinh ngày 21/12/1965.

[3.2]. Ông Trịnh Ngọc Anh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P cho rằng ông P, bà L chỉ nhờ ông Lê Hoàng L1 và bà Nguyễn Thị Thu V đứng họ tên cha mẹ ruột trong giấy khai sinh của chị Lê Thị Thùy T, chứ thực tế ông P, bà L mới chính là cha mẹ ruột của chị T nên ông đại diện ông P, bà L yêu cầu Tòa án xác định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ.

Bị đơn ông Lê Hoàng L1 và bà Nguyễn Thị Thu V thừa nhận ông bà chỉ đứng họ tên cha mẹ ruột trong giấy khai sinh của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ; chứ thực tế ông bà không phải là cha mẹ ruột của chị T; bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P mới chính là cha mẹ ruột của chị T, nhưng ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho chị T sẽ làm ảnh hưởng, xáo trộn toàn bộ giấy tờ trong gia đình của ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Thùy T đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.3]. Theo Kết luận giám định số 883/C09B ngày 29/01/2021 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định mối quan hệ huyết thống cha – mẹ - con giữa các đương sự ông Lê Hoàng P, ông Lê Hoàng L1, chị Lê Thị Thùy T, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Thu V thì:

- Ông Lê Hoàng L1, bà Nguyễn Thị Thu V và chị Lê Thị Thùy T không có quan hệ huyết thống cha – mẹ - con.

- Ông Lê Hoàng P, bà Nguyễn Thị L và chị Lê Thị Thùy T có quan hệ huyết thống cha – mẹ - con.

Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Lê Hoàng L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 4 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 89, khoản 2 Điều 101 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng P và bà Nguyễn Thị L về việc tranh chấp xác định cha, mẹ cho con đối với ông Lê Hoàng L1 và bà Nguyễn Thị Thu V.

Xác định bà Nguyễn Thị L là mẹ ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ và ông Lê Hoàng P là cha ruột của chị Lê Thị Thùy T, sinh ngày 27/9/1995, giới tính nữ.

Các đương sự được quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc xin cấp lại giấy khai sinh và các giấy tờ khác có liên quan đến nhân thân của chị Lê Thị Thùy T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V và ông Lê Hoàng L1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị L và ông Lê Hoàng P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0080122 ngày 25/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký hộ tịch;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Xuân Hương

